

ĐÁU LÝ ĐÀU PHÁP VỚI BẮC KINH

Tại Đông Hải Luật Pháp và Địa Lý là hai kẻ thù của Trung Quốc

Luật Sư Nguyễn Hữu Thống

Năm 1982, 119 quốc gia trong đó có Việt Nam và Trung Quốc đã ký Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển. Năm 1994 Công Ước có hiệu lực chấp hành.

Hai nguyên tắc hướng dẫn Luật Biển là:

1. Dành cho các quốc gia duyên hải quyền đánh cá và khai thác dầu khí 200 hải lý tại vùng biển gần bờ.

2. Duy trì tự do hàng hải và tự do khai thác hải sản tại biển sâu.

Sau đây là những ý niệm đại cương về các danh từ chuyên môn dùng trong Luật Biển.

Đường Căn Bản (Baselines) thông thường là lần mức thủy triều xuống thấp.

Biển Lãnh Thổ (Territorial Sea) rộng 12 hải lý chạy từ đường căn bản ra khơi.

Vùng Đặc Quyền Kinh Tế 200 hải lý để đánh cá trùng điệp với *Thềm Lục Địa 200 hải lý để khai thác dầu khí* chạy từ biển lãnh thổ ra khơi.

Các quần đảo Phi Luật Tân hay Nhật Bản được quyền có quy chế vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa 200 hải lý. Tuy nhiên, các tiểu đảo không có thường dân cư ngụ và không tự túc về kinh tế (như Hoàng Sa và Trường Sa) không được hưởng quy chế này.

Theo Toà Án Quốc Tế The Hague và Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, *Biển Lịch Sử là nội hải nằm về phía đất liền, bên trong đường căn bản của Biển Lãnh Thổ.*

Biển Nam Hải (Southern Sea) là vùng biển ven bờ chạy từ Eo Biển Đài Loan tới Quảng Đông và rộng khoảng 25 km (50 lý).

Biển Nam Hoa (South China Sea) thuộc chủ quyền chung của 5 quốc gia là Trung Hoa, Việt Nam, Mã Lai, Phi Luật Tân, Đài Loan và rộng chừng 2 ngàn cây số.

I. CÁC HIỆP ƯỚC QUỐC TẾ

Vấn đề tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc về chủ quyền lãnh thổ tại Hoàng Sa và Trường Sa chỉ có thể được giải quyết dứt khoát trên căn bản công pháp quốc tế. Tại Biển Đông Luật Pháp và Địa Lý là hai kẻ thù của Trung Quốc.

1. Các Hiệp Ước Việt-Pháp-Hoa.

Năm 1884 (Giáp Thân) Việt Nam ký với Pháp *Hiệp Ước Patenôtre* theo đó Pháp nhận bảo hộ và đại diện Việt Nam về mặt ngoại giao đồng thời cam kết bảo vệ an ninh quốc phòng và chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam.

Theo *Hiệp Ước Thiên Tân* 1885 (Ất Dậu) ký với Pháp, Trung Quốc từ bỏ chủ quyền (hữu danh vô thực) đối với Việt Nam, và cam kết tôn trọng các hiệp ước Việt Pháp như Hiệp Ước Patenôtre.

Năm 1887, Pháp (đại diện Việt Nam) ký với Trung Quốc *Hiệp Ước Bắc Kinh* để phân ranh hải phận *Vịnh Bắc Việt* theo đó Việt Nam được 63% và Trung Quốc được 37%.

2. Tuyên Cáo Cairo 1943.

Trong Thế Chiến Thứ II, ba Cường Quốc Đồng Minh đại diện bởi Tổng Thống Hoa Kỳ Roosevelt, Thủ Tướng Anh Churchill và Tổng Thống Trung Hoa Dân Quốc Tưởng Giới Thạch đã ký *Tuyên Cáo Cairo* ngày 27-11-1943 nhằm *tước bỏ quyền của Nhật Bản trên tất cả lãnh thổ và các hải đảo ở Thái Bình Dương đồng thời giao hoàn Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ cho Trung Quốc*. Tại Hội Nghị Cairo sở dĩ Tổng Thống Tưởng Giới Thạch không đòi trao Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Hoa vì *Tổng Thống hay biết và nhìn nhận rằng hai quần đảo này không thuộc chủ quyền của Trung Quốc (mà thuộc chủ quyền của Việt Nam)*.

3. Tuyên Ngôn Potsdam 1945.

Chiếu Tuyên Ngôn Potsdam 1945 tại vùng Thái Bình Dương, để tước khí giới quân đội Nhật, Đồng Minh quyết định chia Việt Nam thành 2 khu vực: Quân đội Trung Hoa có nghĩa vụ giải giới quân đội Nhật tại vùng Bắc Vĩ Tuyến 16 (Đà Nẵng) trong đó có quần đảo Hoàng Sa. Và quân đội Anh được ủy nhiệm giải giới quân đội Nhật từ Vĩ Tuyến 16 vào Nam trong đó có quần đảo Trường Sa.

Giải giới không phải là tiếp thu. Do đó nếu Anh Quốc không có chủ quyền lãnh thổ tại Trường Sa, thì Trung Quốc cũng không có chủ quyền lãnh thổ tại Hoàng Sa (và Trường Sa).

4. Hiệp Định Elysée 1949.

Năm 1947, Anh Quốc trả độc lập cho Ấn Độ và Đại Hội, Qua năm 1948, Pháp và Việt Nam ra *Thông Cáo Chung Vịnh Hạ Long* để thừa nhận chủ quyền độc lập của Việt Nam.

Và tại Paris tháng 3-1949, Tổng Thống Pháp Vincent Auriol ký với Quốc Trưởng Bảo Đại *Hiệp Định Elysée* để *trao trả độc lập cho Quốc Gia Việt Nam*.

Qua tháng 4-1949, Quốc Hội Nam Kỳ biểu quyết *giải tán chế độ Nam Kỳ Tự Trị để sát nhập Nam Phần vào lãnh thổ Quốc Gia Việt Nam độc lập và thống nhất*.

Với sự thu hồi độc lập và thống nhất năm 1949, Việt Nam có tư cách để tự bảo vệ chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ từ Nam Quan đến Cà Mau, kể cả vùng hải phận nơi tọa lạc các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

5. Hiệp Ước Hòa Bình San Francisco 1951.

Mùa Xuân 1945, 51 quốc gia đồng minh họp Hội Nghị San Francisco để thành lập Liên Hiệp Quốc. Năm 1951, 51 quốc gia đồng minh hội viên sáng lập Liên Hiệp Quốc lại họp Hội Nghị Hòa Bình San Francisco để ký *Hiệp Ước Hòa Bình Nhật Bản ngày 8-9-1951*.

Điều 2 Hiệp Ước quyết định trao trả cho các quốc gia đồng minh chủ quyền lãnh thổ tại Á Châu Thái Bình Dương như sau:

(a) Giao hoàn chủ quyền độc lập cho nhân dân Triều Tiên.

(b) *Giao hoàn chủ quyền lãnh thổ tại đảo Đài Loan và quần đảo Bành Hồ [cho Trung Hoa].*

(c) Giao hoàn chủ quyền lãnh thổ tại các quần đảo Kurile và Sakhalin [cho Liên Xô].

(d) Trao quyền quản trị một số hải đảo tại Thái Bình Dương mà Hội Quốc Liên đã ủy nhiệm Nhật Bản giám hộ như Senkaku (Điếu Ngư) [cho Hoa Kỳ].

(e) Nhật Bản khước từ mọi quyền lợi của các kiều dân Nhật Bản tại miền Nam Cực.

(f) *Nhật Bản khước từ chủ quyền tại các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa [để giao hoàn cho Việt Nam].*

Đây là một quyết định hợp lý.

Thật vậy trong Thế Chiến II có sự tranh chấp chủ quyền giữa Nhật Bản và Pháp (đại diện Việt Nam) tại hai quần đảo này. Ngày 30-3-1939 Nhật Bản công bố đặt Hoàng Sa và Trường Sa dưới quyền kiểm soát của Chính Phủ Đông Kinh. Vậy mà Trung Quốc đã không lên tiếng phản đối. Chỉ có Bộ Ngoại Giao Pháp, nhân danh Việt Nam, đã gửi công hàm ngày 21-4-1939 để phản kháng Chính Phủ Nhật Bản. Do đó khi Nhật Bản tuyên bố từ bỏ chủ quyền tại Hoàng Sa và Trường Sa, *các quốc gia tham dự Hội Nghị Hòa Bình San Francisco đã minh thị phủ nhận chủ quyền của Trung Quốc và mặc nhiên chấp nhận giao hoàn cho Việt Nam hai quần đảo này.*

Trước đó, ngày 5-9-1951, Ngoại Trưởng Liên Xô Andrei Gromyko đệ trình *tu chính án* để yêu cầu Hội Nghị trao *Mãn Châu, Đài Loan, Bành Hồ, Đông Sa (Pratas Islands), Trung Sa (Macclesfield Bank), Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa) cho Trung Quốc. Tuy nhiên tu chính án này đã bị Hội Nghị bác bỏ với 46 phiếu chống và 3 phiếu thuận.*

Ngày 7-9-1951 Thủ Tướng Trần Văn Hữu, Trưởng Phái Đoàn Quốc Gia Việt Nam đã lên diễn đàn để *công bố chủ quyền của Việt Nam tại các quần đảo*

Hoàng Sa và Trường Sa mà không gặp sự phản kháng nào của các quốc gia tham dự Hội Nghị kể cả Liên Xô.

6. Hiệp Định Geneva 1954.

Năm 1954, để giải quyết Chiến Tranh Đông Dương, Hội Nghị Geneva được triệu tập với sự tham dự của 9 quốc gia gồm Ngũ Cường Mỹ, Anh, Pháp, Liên Xô và Trung Quốc, cùng với Ai Lao, Cao Miên và 2 nước Việt Nam là Quốc Gia Việt Nam (Miền Nam) và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Miền Bắc). *Hiệp Định Geneva ngày 20-7-1954*, một lần nữa xác nhận chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa (lúc này là Quốc Gia Việt Nam) tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Thật vậy, theo Điều 4 Hiệp Định Geneva: “*Giới tuyến giữa Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam kéo dài ra ngoài hải phận theo một đường thẳng góc với đường ven biển. Quân đội Liên Hiệp Pháp (gồm có Quốc Gia Việt Nam và Cộng Hòa Pháp) phải rút khỏi tất cả các hải đảo về phía Bắc giới tuyến (Vĩ Tuyến 17). Quân Đội Nhân Dân Việt Nam (Miền Bắc) phải rút khỏi tất cả các hải đảo về phía Nam giới tuyến (Vĩ Tuyến 17) trong đó có các Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa.*

Ngày 4-9-1958 Chính Phủ Trung Quốc tuyên bố mở rộng biển lãnh thổ từ 3 hải lý thành 12 hải lý. Quyết Nghị này được áp dụng cho tất cả các hải đảo như *Đài Loan (Taiwan), Bành Hồ (Pescadores), Đông Sa (Pratas Islands), Trung Sa (Macclesfield Bank), Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa)*. Bản Tuyên Bố viện dẫn một số hải đảo thuộc chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc (vì tọa lạc tại thềm lục địa 200 hải lý), như *Đài Loan (nằm sát Hoa Lục), Bành Hồ (tại Eo Biển Đài Loan) và Pratas (tại Vĩ Tuyến 21, cách Hoa Lục 135 hải lý).*

Ngoài ra còn níu kéo và nhận vợ một số hải đảo và quần đảo không thuộc chủ quyền của Trung Quốc (vì tọa lạc ngoài thềm lục địa 200 hải lý) như bãi *Macclesfield Bank (tại Vĩ Tuyến 16, cách Hoa Lục 300 hải lý), quần đảo Hoàng Sa (tại các Vĩ Tuyến 17-15, cách Hoa Lục 270 hải lý) và quần đảo Trường Sa (tại các Vĩ Tuyến 12-8, cách Hoa Lục từ 550 đến 780 hải lý).*

Quyết Nghị năm 1958 của Trung Quốc chỉ là sự sao chép nguyên văn tu chính án của Liên Xô tại Hội Nghị Hòa Bình San Francisco 1951. Như ta đã biết, tu chính án này đã bị Hội Nghị bác bỏ với 46 phiếu chống và 3 phiếu thuận.

Chiếu Tuyên Cáo Cairo 1943, Hiệp Ước Hòa Bình San Francisco 1951 và Hiệp Định Geneva 1954, các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa không thuộc chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc mà thuộc chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa. Vì không phải là sở hữu chủ, Chính Phủ Hà Nội không có tư cách để trao các quần đảo này cho bất cứ quốc gia nào, kể cả Trung Quốc và nhất là Trung Quốc.

7. Hiệp Định và Định Ước Paris 1973.

Ngày 27-1-1973 Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hòa, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam đã ký Hiệp Định Hòa Bình Paris nhằm “kết thúc chiến tranh và tái lập hòa bình tại Việt Nam”. Chiếu Điều 15 Hiệp Định “việc thống nhất nước Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng *phương pháp hòa bình* trên căn bản thương nghị và thỏa thuận giữa Miền Nam và Miền Bắc, không bên nào cưỡng ép bên nào, không bên nào thôn tính bên nào, thời gian thống nhất sẽ do Miền Nam và Miền Bắc Việt Nam đồng thỏa thuận”.

Đề thi hành Hiệp Định Paris, với sự chứng kiến của ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, 12 bên tham dự Hội Nghị Quốc Tế về Việt Nam đã ký *Định Ước của Hội Nghị Quốc Tế về Việt Nam* ngày 2-3-1973,.

Theo Điều 4 Định Ước “các bên ký kết Định Ước này trân trọng cam kết sẽ triệt để tôn trọng chủ quyền độc lập, thống nhất quốc gia và *sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và quyền Dân Tộc Tự Quyết của nhân dân Miền Nam Việt nam*”.

Mặc dầu vậy, 10 tháng sau, tháng 1-1974, Trung Quốc đã huy động toàn lực để xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam Cộng Hòa, bất chấp Tuyên Cáo Cairo, Hiệp Ước Hòa Bình San Francisco, Hiệp Định Geneva và Định Ước của Hội Nghị Quốc Tế về Việt Nam. Ngoài ra Trung Quốc còn vi phạm Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, xâm phạm sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và xâm phạm thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Sự xâm chiếm này không được luật pháp thừa nhận.

Dầu sao, chiếu Điều 77 Luật Biển, thêm lục địa thuộc *chủ quyền tuyệt đối* của quốc gia duyên hải, mọi sự chiếm cứ bất cứ từ đâu tới đều vô giá trị và vô hiệu lực, nhất là chiếm cứ võ trang.

II. CÔNG ƯỚC LIÊN HIỆP QUỐC VỀ LUẬT BIỂN

Năm 1982 cùng với 118 quốc gia hội viên Liên Hiệp Quốc, Trung Quốc ký Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển.

Ký xong, Bắc Kinh mới thấy lo! Ký Công Ước thì phải theo Công Ước. Những điều khoản trong Công Ước đã quá rõ rệt: Các quốc gia duyên hải chỉ được hưởng quy chế *200 hải lý Vùng Đặc Quyền Kinh Tế để đánh cá* đồng thời là *Thềm Lục Địa để khai thác dầu khí*.

Trong khi đó, Hoàng Sa cách lục địa Trung Hoa 270 hải lý và Trường Sa cách Hoa Lục 750 hải lý. *Do đó Hoàng Sa và Trường Sa không thuộc chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc.*

1. Biển Lịch Sử.

Đuổi về pháp lý, Trung Quốc đưa ra thuyết Biển Lịch Sử hay Lưỡi Ròng Trung Quốc.

Lưỡi Rìu Trung Quốc là một vùng biển bao la chạy từ Trung Hoa, Việt Nam qua Nam Dương, Mã Lai, Brunei và Phi Luật Tân. Theo ngoa ngôn của Bắc Kinh, Biển Lịch Sử Trung Quốc rộng bằng *phần nửa lục địa Trung Hoa*.

Lưỡi Rìu Trung Quốc (mệnh danh là Đường Lưỡi Bò 9 đoạn) nằm sát Biển Đông Nam Á, cách Quảng Ngãi 40 hải lý, cách Sarawak (Mã Lai), và Palawan (Phi Luật Tân) 25 hải lý. Nó chiếm trọn 2 túi dầu khí đang khai thác là Bãi Tứ Chính (Vanguard) của Việt Nam và Bãi Cỏ Rong (Reed Bank) của Phi Luật Tân. Nó *chiếm hơn 80% Biển Đông Nam Á*.

Về yêu sách Biển Lịch Sử của Trung Quốc, các luật gia tại Viện Hải Học Đông Tây (Hawaii) phải kêu lên rằng: *“Không có nguyên tắc hay điều khoản nào trong Công Pháp Quốc Tế cho phép Bắc Kinh đòi như vậy!”*

Trung Quốc không theo luật pháp mà theo *Chính Sách Bá Quyền Đại Hán*. Tất cả các lãnh thổ và hải đảo thuộc ảnh hưởng Trung Quốc (từ thời Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế hay Minh Thành Tổ) sẽ mãi mãi thuộc chủ quyền Trung Quốc.

Chính sách này được phổ biến năm 1954 trong cuốn *Lược Sử Tân Trung Quốc* nhắc lại những cương lĩnh và những lời tuyên bố của Mao Trạch Đông “tất cả các lãnh thổ và hải đảo thuộc khu vực ảnh hưởng của Trung Quốc đã bị phe Đế Quốc Tây Phương và Nhật Bản chiếm đoạt từ giữa thế kỷ 19 đến sau Cách Mạng 1911, như Ngoại Mông, Triều Tiên, An Nam (Việt Nam), Hồng Kông, Macao, Sakhalin, Đài Loan, Bành Hồ, Ryukyu, Port Arthur cũng như các đảo khác tại Thái Bình Dương sẽ phải được giao hoàn cho Trung Quốc”. Những vùng lãnh thổ và hải phận này sẽ vĩnh viễn thuộc về Trung Quốc do *sự chinh phục và khai hóa của văn minh chống man di (Territory once won for civilization must not be given back to barbarism)*.

Chính Sách Đại Hán được phát động từ sau Hiệp Định Bàn Môn Điếm 1953 về Triều Tiên và Hiệp Định Geneva 1954 về Đông Dương. Nó đạt tới cao điểm đầu năm 1974 khi quân lực Hoa Kỳ triệt thoái khỏi Việt Nam sau Hiệp Định Paris 1973.

Ngày nay tại vùng Biển Đông Nam Á, Biển Lịch Sử hay Lưỡi Rìu Trung Quốc là mục tiêu chiến lược của Bắc Kinh.

Tuy nhiên thuyết Biển Lịch Sử là *một chính sách giả tưởng hay một khẩu thuyết vô bằng*, không căn cứ vào các điều khoản của Luật Biển và Luật Tục Lệ Quốc Tế, nên không được luật pháp và tòa án chấp nhận.

Vì biết rõ điều đó nên, từ thập niên 1990 khi Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển được ban hành, *Trung Quốc không bao giờ dám chấp nhận để Tòa Án Trọng Tài Quốc Tế thụ lý những vụ tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*.

Thật vậy, theo Tòa Án Quốc Tế The Hague, Biển Lịch Sử chỉ là nội hải.

Theo Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển 1982: “Biển Lịch Sử hay nội hải của một quốc gia, nằm trong đất liền, về phía bên trong đường căn bản của Biển Lãnh Thổ.” (Điều 8).

Như vậy Biển Nam Hoa không phải là Biển Lịch Sử của Trung Quốc vì nó là ngoại hải và cách lục địa Trung Hoa hai ngàn cây số.

Và từ 1982 Chủ Nghĩa Bá Quyền Đại Hán do Mao Trạch Đông phát động đã bị chặn đứng bởi luật pháp và tòa án của nhân loại văn minh.

2. Thuyết Thủ Đắc Chủ Quyền.

Thất bại trong thuyết Biển Lịch Sử, Trung Quốc đưa ra thuyết Thủ Đắc Chủ Quyền, thủ đắc do khám phá và thủ đắc do chiếm cứ.

a. Thủ đắc do khám phá.

Theo Bắc Kinh, từ trên 2000 năm nay, dưới đời Hán Vũ Đế, 100 ngàn hải quân Trung Hoa tuần hành tại Nam Hải đã khám phá các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Hơn nữa trong thế kỷ 15, dưới đời Minh Thành Tổ, hải quân Trung Hoa đi tuần thám Biển Nam Hải đã khám phá và thủ đắc chủ quyền các hải đảo này.

Sự kiện này không xác thực.

Trước hết không có tài liệu khách quan nào cho biết, từ thời Tây Hán có sự tuần thám của hải quân Trung Hoa tại các đảo san hô tại Nam Hải. Lịch sử chỉ ghi 100 ngàn quân của Tào Tháo mượn lệnh Hán Đế đi xâm chiếm Đông Ngô và đã bị Chu Du đánh tan trong trận Hải Chiến Xích Bích năm 207.

Và dưới đời Minh Thành Tổ, trong kế hoạch xâm lăng Việt Nam, các đội hải quân tiếp viện cho Vương Thông đã bị Bình Định Vương (Lê Thái Tổ) đánh tan trong vùng sông biển.

Và lại kẻ khám phá không nhất thiết là kẻ sở hữu.

Cũng trong thế kỷ 15, các nhà thám hiểm hàng hải quốc tế như Vasco de Gama đã khám phá Mũi Hảo Vọng tại Phi Châu và các hoang đảo tại Ấn Độ Dương; Magellan đã đi xuyên dương, từ Đại Tây Dương vượt Ấn Độ Dương qua Thái Bình Dương, khám phá quần đảo Phi Luật Tân và hải đảo Guam. Vậy mà Bồ Đào Nha cũng không đòi chủ quyền các hải đảo này.

b. Thủ đắc do chiếm cứ.

Theo Tòa Án Quốc Tế, muốn thủ đắc chủ quyền các *đất vô chủ (terra nullius)*, sự chiếm cứ phải có những đặc tính sau đây:

- *Chiếm cứ hòa bình.*

Không có sự chối cãi rằng, trong những năm 1956, 1974 và 1988, Trung Quốc đã dùng võ lực chiếm cứ một số hải đảo tại Hoàng Sa và một số đá bãi tại Trường Sa. Sự chiếm cứ không có tính hòa bình mà do xâm lăng võ trang nên không được luật pháp bảo vệ. Cũng như thời Đệ Nhị Thế Chiến, Nhật Bản đã

chiếm cứ Hoàng Sa và Trường Sa bằng võ lực nên không có tư cách chủ quyền hợp pháp.

- *Chiếm cứ liên tục và trường kỳ.*

Trung Quốc không mang được bằng chứng khách quan nào cho biết họ đã *liên tục* chiếm cứ Hoàng Sa và Trường Sa từ đời Nhà Hán hay ít nhất từ đời Nhà Thanh. Sau Hiệp Định Geneva 1954, khi hải quân Pháp rút lui, năm 1956, Trung Quốc mới xâm nhập võ trang và chiếm cứ một số đảo tại Hoàng Sa thuộc nhóm An Vĩnh (Amphitrite) phía đông bắc.

Và tháng 1-1974 họ lại xâm lăng võ trang để chiếm thêm các đảo Hoàng Sa thuộc Nhóm Lưỡi Liềm (Crescent) phía tây nam.

Tại Trường Sa, Trung Quốc thú nhận rằng, *lần đầu tiên năm 1988*, họ chiếm cứ một số đá bãi bằng võ lực.

Sự chiếm cứ này vô hiệu vì không có tính hòa bình.

Và lại tới những năm 1956, 1974 và 1988, các đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã do Việt Nam chiếm cứ hợp pháp nên không thể coi là đất vô chủ (terra nullius).

- *Hơn nữa sự chiếm cứ không được thừa nhận bởi các quốc gia liên hệ.*

Như đã trình bày, tại Hội Nghị Hòa Bình San Francisco 1951, Liên Xô yêu cầu Hội Nghị biểu quyết trao Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Quốc, nhưng Hội Nghị đã bác bỏ đề nghị này với 3 phiếu thuận và 46 phiếu chống. Sau đó Trưởng Phái Đoàn Quốc Gia Việt Nam lên diễn đàn minh thị công bố chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa-Trường Sa, và không gặp sự phản kháng nào của 51 quốc gia tham dự Hội Nghị kể cả Liên Xô.

3. Định Ranh Thềm Lục Địa và Xác Định Chủ Quyền Hải Đảo.

Ủy Ban Định Ranh Thềm Lục Địa, Tòa Án Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, Tòa Án Trọng Tài và Tòa Án Quốc Tế The Hague đưa ra nhiều tiêu chuẩn để giải quyết vấn đề định ranh thềm lục địa và xác định chủ quyền các hải đảo.

- a) *Vị trí của các đảo đối với bờ biển tiếp cận.*

Các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tọa lạc tại các Vĩ Tuyến 17-8 thuộc vùng nhiệt đới như Việt Nam, chứ không ở vùng ôn đới như Trung Hoa.

Đảo Hoàng Sa cách lục địa Việt Nam 160 hải lý và cách lục địa Trung Hoa 270 hải lý. Tại vùng biển Trường Sa, bãi Tứ Chính cách lục địa Việt Nam 190 hải lý và cách Hoa Lục 780 hải lý. Đảo Trường Sa cách lục địa Việt Nam 220 hải lý và cách Hoa Lục 750 hải lý. Do đó về mặt vị trí hay địa lý, Việt Nam có ưu thế, và Tòa Án Trọng Tài hay Tòa Án Quốc Tế sẽ quyết định Hoàng Sa, Trường Sa thuộc chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam.

- b) *Về độ sâu và địa hình đáy biển*, các đảo, cồn, đá, bãi Hoàng Sa và Trường Sa là *sự tiếp nối tự nhiên của lục địa Việt Nam từ đất liền ra ngoài biển*. Độ sâu nhất tại Hoàng Sa là 900 m và tại Trường Sa là 200 m. Trong khi đó, từ Hoàng Sa

và Trường Sa về Hoa Lục có 2 rãnh biển sâu hơn 2600 m và 4650 m. Như vậy Hoàng Sa và Trường Sa không phải là sự tiếp nối tự nhiên của lục địa Trung Hoa từ đất liền ra ngoài biển.

c) Về mặt *địa chất*, năm 1925, sau 2 năm nghiên cứu, đo đạc và vẽ bản đồ đáy biển, Tiến Sĩ Khoa Học Armand Krempf, Giám Đốc Viện Hải Học Đông Dương đã xác nhận rằng: “*Về mặt địa chất các đảo Hoàng Sa là thành phần của Việt Nam*”(Geologiquement les paracels font partie du Vietnam).

d) Về *dân số*, các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa không có thường dân cư ngụ và không tự túc về kinh tế. Trong khi đó số dân cư ngụ tại miền bờ biển Việt Nam đông gấp 12 lần số dân sinh sống tại đảo Hải Nam.

e) Về *khí hậu và sinh thực học*, tại Hoàng Sa và Trường Sa các *đảo san hô* cũng như *cây cỏ và sinh vật* tiêu biểu cho *vùng nhiệt đới* Việt Nam, chứ không thấy ở vùng ôn đới Trung Hoa. Không có đảo san hô nào tại vùng ôn đới như Biển Bắc Hải hay Đông Trung Quốc Hải.

f) Về *Khu Đặc Quyền Kinh Tế* để đánh cá, Biển Đông với Hoàng Sa và Trường Sa là khu vực đánh cá căn bản của Việt Nam. Trong khi đó, ngoài hải phận về phía tây, *đảo Hải Nam còn được thêm 200 hải lý để đánh cá về phía đông thông ra Thái Bình Dương*.

g) Tại Thềm *Lục Địa* Việt Nam những vùng có dầu khí nằm tại giữa Vịnh Bắc Việt và tại khu bãi Tứ Chính phía đông nam Cà Mau. Đây là nơi kết tủa các thủy tra thạch chứa đựng các chất hữu cơ do *nước phù sa Sông Hồng Hà và Sông Cửu Long, con sông dài nhất Đông Nam Á, từ cao nguyên Tây Tạng đổ ra biển từ cả triệu năm nay*. Không có con sông lớn nào từ lục địa Trung Hoa hay từ đảo Hải Nam chảy ra Biển Đông. Do đó dầu khí nếu có là do các chất hữu cơ từ lục địa Việt Nam chứ không phải từ Hoa Lục. Hơn nữa, ngoài hải phận về phía tây, *đảo Hải Nam còn được thêm 200 hải lý thềm lục địa để khai thác dầu khí về phía đông thông ra Thái Bình Dương*.

h) Biển Đông với Hoàng Sa, Trường Sa có *ảnh hưởng kinh tế, chính trị, chiến lược và an ninh quốc phòng* mật thiết với Việt Nam hơn là Trung Quốc. Vì Trung Quốc còn có Biển Hoàng Hải và Đông Trung Quốc Hải chạy thông ra Thái Bình Dương.

i) Các *tài liệu*, sách báo, họa đồ hay các chứng tích lịch sử phải có tính khách quan, vô tư và xác thực. Dầu sao các tài liệu này cũng không có giá trị bằng các yếu tố khoa học như địa lý, địa hình, địa chất, dân số, khí hậu, sinh thực học, và những yếu tố đặc thù về kinh tế chính trị, chiến lược và an ninh quốc phòng.

Về Biển Nam Hải chúng ta chỉ viện dẫn một số vài tài liệu khách quan do chính người Trung Quốc biên soạn.

Tân Thủy Hoàng chia Bách Việt thành 3 Quận:

- 1) Nam Hải (Quảng Đông)
- 2) Quế Lâm (Quảng Tây), và

3) Tượng Quận (Bắc Việt)

Như vậy theo các học giả Trung Quốc, *Biển Nam Hải (Southern Sea)* là tên biển của miền Hoa Nam, cách Quảng Đông 50 dặm (25 km) về phía Nam. Các nhà hàng hải Tây Phương muốn tiện thể gọi đó là Biển Nam Hoa. (*Ngoại nhân xưng Nam Trung Quốc Hải*).

Theo Tân Từ Điển Thực Dụng Hán Anh do các học giả Trung Quốc biên soạn tại Hồng Kông năm 1971 thì “**Nam Hải** là vùng biển kéo dài từ Eo Biển Đài Loan đến Quảng Đông”.

Theo Từ Điển Từ Hải xuất bản năm 1948 thì **Biển Nam Hoa** thuộc chủ quyền lãnh thổ của 5 quốc gia là Trung Hoa, Việt Nam, Mã Lai, Phi Luật Tân và Đài Loan”.

Nếu Ấn Độ Dương không phải là đại dương của Ấn Độ, thì Biển Nam Hoa cũng không phải là biển của nước Trung Hoa về phía Nam.

Vì vùng biển này tọa lạc tại Đông Nam Á, nên năm 1995 trong Bản Tường Trình gửi 7 vị nguyên thủ quốc gia trong Hiệp Hội các Quốc Gia Đông Nam Á, người viết đề nghị Khối ASEAN đổi danh xưng Biển Nam Hoa thành Biển Đông Nam Á.

Ngoài ra người viết còn đề nghị với nhà cầm quyền Việt Nam 5 điểm như sau:

1) Nhờ các luật gia và chuyên gia quốc tế vẽ ranh Thềm Lục Địa Địa Chất (Thềm Lục Địa Mở Rộng) để yêu cầu Ủy Ban Định Ranh Thềm Lục Địa Liên Hiệp Quốc quyết định cho Việt Nam được mở rộng thềm lục địa từ 200 hải lý tới mức 350 hải lý.

2) Muốn vậy Việt Nam phải tuân hành các điều khoản của Luật Biển bằng cách vẽ lại Đường Căn Bản cho hợp lý.

3) Phát triển tối đa kỹ nghệ đánh cá ngoài khơi trong Vùng Đặc Quyền Kinh Tế 200 hải lý để sử dụng đúng mức, điều hành và bảo tồn nguồn lợi ngư nghiệp thiên nhiên tại Biển Đông.

4) Vận động Hiệp Hội các Quốc Gia Đông Nam Á yêu cầu đổi danh xưng *Biển Nam Hoa* thành *Biển Đông Nam Á (Southeast Asia Sea)*.

5) Đưa vụ tranh chấp thềm lục địa, hải phận và các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ra Tòa Án Trọng Tài hay Tòa Án Quốc Tế, nếu cuộc điều giải bất thành.

Từ đó đến nay đã gần 2 thập niên, Chính Phủ Hà Nội vẫn án binh bất động!

Trước thái độ khiếm nhược của nhà cầm quyền, người dân Việt Nam trong và ngoài nước phải đứng lên giành lại chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ tại các quần đảo Hoàng Sa Trường Sa đồng thời bảo vệ hải phận của Việt Nam tại Biển Đông Nam Á.

Sở dĩ Trung Quốc không dám mạnh tay với Phi Luật Tân hay Mã Lai vì tại các quốc gia này Dân sẽ đứng lên yểm trợ chính quyền trong việc bảo toàn đất tổ.

Tại Việt Nam ngày nay lòng yêu nước và nguyện vọng của Dân không được biểu lộ bằng những cuộc biểu tình tuần hành. Mọi hành động biểu dương lực lượng đều bị Chính Quyền bưng bít, lên án và đàn áp.

Do đó, hơn bao giờ hết, theo truyền thống đấu tranh hào hùng của Dân Tộc, chúng ta phải đòi thực hiện cho bằng được châm ngôn khuôn vàng thước ngọc của Tiên Nhân để xây dựng một chế độ Dân Chủ Pháp Trị theo phương châm

Lấy Dân Làm Trọng và Coi Nhẹ Chính Quyền.

(Dân Vi Quý Quân Vi Khinh)

Với một Chính Phủ của Dân, do Dân và vì Dân, chúng ta sẽ đòi lại đất đai, hải phận và các hải đảo do ngoại bang cưỡng chiếm trái với Công Lý và Đạo Lý.

Luật Sư Nguyễn Hữu Thống

Chủ Tịch Ủy Ban Luật Gia Bảo Vệ Dân Quyền